

## TRI THỨC BẢN ĐỊA CỦA DÂN TỘC DAO KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG VIỆC LỰA CHỌN ĐẤT ĐAI, ĐỊA HÌNH CANH TÁC VÀ HỆ THỐNG CÂY TRỒNG

ĐẶNG THỊ NHUẬN\*, DƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG\*\*

### TÓM TẮT

*Trong quá trình lao động, dân tộc Dao ở khu vực miền núi phía Bắc đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm và đạt những thành quả ở nhiều lĩnh vực. Đặc điểm nổi bật trong thế ứng xử văn hóa với môi trường tự nhiên của người Dao là luôn vượt qua khó khăn, linh hoạt và có khả năng thích ứng văn hóa cao. Tùy theo điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái, người Dao đã tích lũy được một kho tàng rất phong phú về tri thức dân gian trong việc lựa chọn đất đai, địa hình canh tác và các giống cây trồng phù hợp.*

**Từ khóa:** tri thức bản địa, canh tác, hệ thống cây trồng, dân tộc Dao.

### ABSTRACT

#### *Indigenous knowledge of Dao ethnic in the Northern mountainous region on the selection of land, terrain farming and cropping systems*

*In the process of ethnic development, Dao ethnic in the Northern mountainous region has created brilliant cultural achievements. The best features of cultural behavior to the natural environment of Dao ethnic is always overcome difficulties in a flexible way to create high adaptability culture with harsh natural environments. Depending on the natural conditions and ecological environment, Dao ethnic has accumulated a rich treasure of folk knowledge in the selection of land, terrain for farming and the appropriate plant varieties.*

**Keywords:** indigenous knowledge, farming, cropping systems, Dao ethnic.

### 1. Đặt vấn đề

Tri thức bản địa (TTBD) (Indigenouse knowledge) còn được gọi là kiến thức truyền thống (traditional knowledge), hay kiến thức địa phương (local knowledge). Đó là hệ thống kiến thức của các dân tộc bản địa, hoặc của một cộng đồng tại một khu vực cụ thể nào đó, tồn tại và phát triển trong những hoàn cảnh nhất định với sự đóng góp của mọi thành viên trong cộng đồng.

Trong số các dân tộc thiểu số sống trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc, dân tộc Dao có dân số khá đông, là đại diện cho các dân tộc sống ở khu vực miền núi vùng cao có truyền thống canh tác trên đất dốc. Cuộc sống của dân tộc này từ bao đời nay, phụ thuộc chặt chẽ vào tự nhiên. Chính vì vậy đồng bào đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm cũng như kiến thức trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, quản lí tài nguyên... và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Họ rất am hiểu về môi trường địa phương, nhưng ưu điểm này ít người biết đến. Do vậy, việc nghiên cứu tìm hiểu tri

\* ThS, Đại học Tây Bắc

\*\* TS, Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

thức bản địa còn ẩn chứa trong nền văn hóa của dân tộc Dao là điều cần thiết, để từ đó, kết hợp phát huy tính tích cực của tri thức bản địa với những kiến thức khoa học, nhằm góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, đồng thời bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở khu vực miền núi.

## 2. Khái quát về dân tộc Dao ở khu vực miền núi phía Bắc

Miền núi phía Bắc là mảnh đất hội tụ các nền văn hóa của hơn 30 dân tộc cư trú, mỗi một dân tộc mang một nét văn hóa độc đáo riêng. Sự đa dạng về điều kiện tự nhiên đã giúp họ có khả năng

thích ứng cao, sáng tạo trong cách thức sản xuất; từ đó, có những ứng xử phù hợp với tự nhiên và trong đời sống văn hóa cộng đồng.

Người Dao ở Việt Nam có khoảng 751.067 người (năm 2009) cư trú ở 61/63 tỉnh thành phố, đứng hàng thứ 9 trong bảng danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam. Họ thường sống xen kẽ với các dân tộc Mông, Pà Thẻn, Tày, Thái... Cư trú đông nhất là ở khu vực miền núi phía Bắc. Trong đó tập trung chủ yếu tại vùng cao phần nhiều là núi đá vôi thuộc các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu... .

*Bảng 1. Dân số của người Dao ở một số tỉnh của khu vực miền núi phía Bắc (năm 2009)*

STT	Tỉnh	Tổng số (người)
1	Hà Giang	109.708
2	Tuyên Quang	90.618
3	Lào Cai	88.379
4	Lai Châu	48.745
5	Cao Bằng	51.124
6	Bắc Kạn	51.801
7	Thái Nguyên	25.360
8	Quảng Ninh	59.156
9	Yên Bái	83.888
10	Lạng Sơn	25.666

Người Dao ở vùng miền núi phía Bắc có các nhóm Dao Đỏ, Dao Tiền, Dao Quần Trắng, Dao Áo Dài, Dao Lô Gang. Xét theo độ cao địa hình, đại bộ phận người Dao cư trú ở đai sườn núi, nằm trong khoảng độ cao địa hình từ 500 - 600m, gần như trùng với khái niệm “vùng giữa”, “rẻo giữa”. Người Dao có thể sống tập trung thành một xóm, bản, mỗi một xóm có khoảng 40 hộ gia đình. Mỗi làng đều có nhiều dòng họ khác

nhau, trong đó có một vài dòng họ đông hơn - là những người cư trú đầu tiên. Trong mỗi bản làng thường có người đứng đầu, đó là trưởng bản. Trưởng bản là người của dòng họ đông nhất có công khai khẩn làng và là người tổ chức các nghi lễ cúng.

Người Dao sống chủ yếu bằng nông nghiệp nương rẫy, ruộng bậc thang. Họ có một số nghề thủ công độc đáo như rèn đúc, làm đồ trang sức, thêu in hoa trên

vải bằng sáp ong... Người Dao ở nhà sàn, nhà đất hoặc nửa sàn, nửa đất. Họ thường ở gần nguồn nước. Văn nghệ dân gian dân tộc Dao rất phong phú, bao gồm: thần thoại, truyện cổ, truyện thơ, dân ca, tục ngữ, câu đố..., phản ánh trong đó là quan niệm của cộng đồng về vũ trụ, nhân sinh quan, thế giới quan. Trong đời sống vật chất và tinh thần của họ, yếu tố tự nhiên có vai trò đặc biệt quan trọng.

### **3. Tri thức bản địa của dân tộc Dao trong việc lựa chọn đất đai và địa hình canh tác**

Cho đến nay, người Dao ở Miền núi phía Bắc chủ yếu vẫn là làm ruộng bậc thang và canh tác trên đất dốc. Diện tích lúa nước trên ruộng bậc thang và lúa nương thường chiếm đa số trong tổng số diện tích đất canh tác.

Khi tiến hành làm ruộng bậc thang, người Dao thường chọn những nơi đất bằng phẳng, độ dốc không quá lớn, có tầng canh tác dày với điều kiện trước tiên là có thể dẫn nước vào hoặc làm ruộng bậc thang có thể hứng nước mưa ở chân dốc gần rừng ở phía trên. Không những thế ruộng bậc thang phải có vị trí thuận tiện, đi lại dễ dàng. Để chọn được ruộng bậc thang vừa ý người Dao thường dùng mắt để ngắm đầu bên này và đầu bên kia sao cho thẳng. Nhờ có ruộng bậc thang mà hạn chế được sự xói mòn, tích tụ mùn mỡ cao hơn và canh tác được lâu dài hơn.

Sau khi lựa chọn vị trí đất làm ruộng bậc thang người Dao tiến hành khoanh vùng đất. Việc khoanh vùng lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố như độ dốc của đất, nếu độ dốc càng lớn thì độ rộng của ruộng càng nhỏ. Thông thường mỗi

thửa ruộng bậc thang rộng khoảng 2,5 đến 3m. Theo kinh nghiệm, người Dao thường dùng đá kê thành đường để phân vùng ranh giới hoặc đào mương rãnh. Việc khoanh vùng không chỉ có mục đích tránh mất nước, xói mòn mà còn nhằm mục đích canh tác ổn định, không gây mâu thuẫn với người khác.

Sau khi chọn đất và khoanh vùng xong, người Dao tiến hành san phẳng đất bằng cách dùng trâu cày hoặc dùng cuốc. Tùy thuộc vào mục đích sử dụng là ruộng cấy lúa hay trồng màu, trồng cây lâm nghiệp mà người Dao sẽ quyết định làm mương dẫn nước hay không. Đặc biệt, khi trời mưa quá to, làm tràn ruộng thì dùng cuốc đào hoặc khoét một đường nhỏ khoảng 20 đến 25cm để thoát nước, tránh để nước quá đầy làm vỡ bờ.

Bên cạnh hình thức canh tác trên ruộng bậc thang, người Dao còn canh tác trên nương rẫy. Thông thường họ sử dụng nương phát đốt, nương cuốc, nương cày để canh tác.

Việc chọn đất có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại của mỗi vụ mùa sản xuất. Qua điều tra thực tế, chúng tôi được biết, khi chọn đất phát nương, người Dao thường tìm đến những nơi đất có màu vàng sậm hoặc màu nâu đen do lớp mùn phân hủy từ lá rừng rụng xuống, phủ lên hết lớp này đến lớp khác. Kinh nghiệm dân gian cho thấy, ở những nơi như vậy đất bao giờ cũng tơi xốp, độ phì nhiêu cao, giữ ẩm tốt hơn so với các loại đất khác và phù hợp với nhiều loại cây trồng. Khi chọn nơi để phát nương, người ta cũng tính đến khả năng mở rộng diện tích canh tác cho những vụ sau. Vì vậy nương

của người Dao thường ở cách xa nhau, mỗi gia đình chiếm cứ một vài vạt đồi rộng, năm nay chưa khai thác hết, năm sau tiếp tục khai quang để mở rộng diện tích. Nương rẫy của người Dao thường ở xa bản, một mặt là do tập quán quy định nhưng mặt khác là do những nơi ở gần thì đều đã được khai thác cạn kiệt, không còn khả năng mở rộng diện tích nữa. Khi tìm được một mảnh nương vừa ý, các gia đình người Dao chọn ngày lành tháng tốt (xem ngày tại nhà thầy cúng trong bản, thường là những ngày 6, ngày 9 trong tháng âm lịch) để tiến hành phát nương. Lễ vật cúng nương tại nhà gồm có gà, xôi, rượu để cúng thổ thần, thổ địa, thần rừng, thần cây. Để cúng lễ trên nương, người chủ gia đình chuẩn bị lễ gồm cây lúa, nứa, rượu. Cây lúa được cắm ở giữa, các thanh tre cắm tròn xung quanh tượng trưng cho sự bảo vệ. Người chủ gia đình thắp hương khấn vái rồi rót rượu vòng quanh cây lúa, cầu mong cho cây lúa trên mảnh nương này trở nhiều bông, người trông được ăn no, mạnh khỏe.

Trong quá trình sử dụng đất, đặc biệt là đất nương rẫy, đồng bào dân tộc Dao cũng đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc phân loại đất khác nhau, trên cơ sở đó đưa ra những cây trồng phù hợp với từng loại đất. Với các nương rẫy đang canh tác, khi thấy các loại cỏ tranh, cỏ may, cỏ chè vè, theo kinh nghiệm của người Dao thì loại đất đấy đã bị thoái hóa, tốn công làm cỏ và cho năng suất thấp. Nếu như thấy các loại cỏ lào, ngải cứu dại, rau tàu bay là biểu hiện đất tốt. Quá trình canh tác nương rẫy được tuân thủ theo một quy trình khép

kín như: phát → đốt → làm đất → chọc lỗ, tra hạt, trồng tía → làm cỏ → chăm bón → thu hoạch → bảo quản.

Do làm nương rẫy lâu đời nên đồng bào dân tộc Dao đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc phân loại đất, dựa vào việc quan sát màu sắc của đất, ví dụ:

- Đất có màu đen, vàng sẫm, đất ẩm, mùn dày → đất loại 1 → trồng lúa nếp, ngô nếp;
- Đất màu nâu xám đến vàng sẫm → đất loại 2 → trồng lúa tẻ, ngô tẻ;
- Đất màu nâu nhạt → đất loại 3 → trồng lúa tẻ, ngô tẻ;
- Đất màu nâu vàng, đất khô chắc, có sỏi sạn → đất loại 4 → trồng ngô tẻ.

Theo phân loại của người Dao, nương rẫy chia thành:

- Cẩn cứ vào cây trồng: nương ngô, nương sắn, nương chè;
- Cẩn cứ vào địa hình: nương bãi bằng, nương hốc đá;
- Cẩn cứ vào môi sinh của khu vực: nương già, nương tái sinh.

#### **4. Tri thức bản địa của dân tộc Dao trong việc lựa chọn hệ thống cây trồng trên đất dốc**

Từ xưa đến nay, đời sống của người Dao luôn có gắn liền với việc canh tác trên đất dốc, tạo ra các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu đời sống. Quá trình phát triển lâu dài đã giúp họ tích lũy được những kinh nghiệm quý báu về làm nương rẫy, giữ hạt giống, đặc biệt là kinh nghiệm về việc lựa chọn các loại cây trồng thích hợp với điều kiện đất dốc ở miền núi.

Cách phân bố các loại cây trồng trên nương cũng có những đặc trưng riêng, như là:

- Vòng ngoài của nương chủ yếu trồng chuối, cà và các loại dây leo, như: bầu, bí xanh, bí đỏ, mướp, dưa, đỗ...

- Vòng tiếp theo trồng sắn, khoai lang.

Người Dao coi hai vòng này là những hàng bảo vệ của các cây lương thực chính trong nương của họ là lúa, ngô, vừng. Ngô được trồng và thu hoạch trước lúa.

Trong quá trình canh tác, đồng bào dân tộc Dao cũng thường tiến hành trồng xen canh nhiều loại cây trồng trên nương rẫy, trong đó thường trồng nhiều lúa nương, ngô xen canh với một số loại cây trồng khác như đỗ tương, đỗ trắng, lạc...

Giống lúa nương, thường là các loại lúa nếp nương, lúa mộ, tẻ đỏ, bao thai lùn, chân trâu lùn, má tai, tài lữ pin. Lúa nếp nương là loại lúa có thân cao, năng suất trung bình, hạt thóc màu sẫm, gạo trắng và thơm được đồng bào dùng làm bánh dày hay nấu rượu. Giống lúa này ít bị sâu bệnh, cây cứng, không bị đổ nên người Dao hay trồng. Với lúa tẻ, trước đây, người Dao thường gieo trồng loại cây cao, hạt nhỏ, gạo đỏ, ăn dẻo và thơm. Loại lúa này có nhược điểm là hay bị đổ non và năng suất không cao, nhưng bù lại, loại này dễ chăm sóc và ít tốn phân bón.

Khi mang thóc giống ra nương, người ta làm lễ cúng thóc giống. Chủ nhà lập đàn cúng trước bàn thờ tổ tiên, trên bàn đặt cụm lúa giống, bát nước, đôi đĩa, bát gạo, đĩa xôi và con gà luộc, một tờ

giấy bản vẽ các hình theo thứ tự: mặt trời, người cầm nông cụ, bó lúa, một đàn gà, một đàn cá, một con rắn. Khi thầy khấn xong thì đặt cụm lúa và tờ giấy bản vào đồng thóc giống. Tra nương xong thì đốt giấy. Trong khi cúng thóc giống cảm người lạ vào nhà, sợ hồn thóc sẽ theo người đó đi mất. Trong một ngày một đêm sau khi cúng, những người trong nhà cũng không được đến nhà người khác, sợ hồn lúa đi theo và ở luôn lại nhà đó.

Ngoài trồng lúa nương, người Dao còn trồng ngô với hai loại là ngô nếp và ngô tẻ. Ngô nếp hạt to, ăn dẻo và trồng được cả hai vụ. Ngô tẻ có màu vàng, cây cao, lá to, ăn hơi khô. Loại ngô này thường ít bị sâu bệnh. Còn có loại ngô tẻ khác, cây cao, hạt có màu trắng. Hai loại ngô tẻ đều trồng được hai vụ nhưng loại ngô có màu vàng được đồng bào Dao trồng nhiều hơn bởi cho năng suất và sản lượng cao. Ngô tẻ được trồng nhiều hơn ngô nếp.

Khi trồng ngô, người Dao rất chú ý đến khâu chọn giống. Ngô được chọn làm giống bắp phải to, hạt mẩy đều, không có sâu bệnh. Sau khi lựa chọn trong số ngô nhà mình những bắp ngô giống vừa ý, người Dao để riêng, bóc hết lớp vỏ áo bên ngoài, phơi nắng cho khô, sau đó buộc 5 - 6 bắp thành từng bó đem treo hoặc gác lên giàn bếp. Số ngô còn lại sau khi được phơi khô cũng được bó thành từng bó cất trong bồ hoặc treo trên xà nhà. Khi sử dụng đồng bào mới tách hạt ra khỏi bắp.

Đối với sắn, người Dao trồng sắn chủ yếu trên các nương đồi có độ dốc tương đối lớn. Đây là những đám nương

đã trở nên cần cỗi sau khi trồng các loại cây thực phẩm. Hai loại sắn được trồng phổ biến là sắn trắng và sắn đỏ. Sắn được trồng vào tháng giêng, sau khi ăn tết xong, đồng bào tiến hành cày nương, đánh luống trồng sắn. Luống trồng sắn được đánh cao từ 25 - 30cm, rộng 40 - 45cm, hố trồng có độ sâu từ 10 - 15cm chạy thẳng theo mạch luống. Mỗi hố cách nhau chừng 30 - 35cm. Cũng giống như khoai lang, sắn được trồng bằng thân (cành), giống được giữ từ vụ trước. Sau khi thu hoạch sắn về, người ta chọn những cây có thân to, mắt dày, không bị sâu bệnh. Số cây giống này được bó riêng, để nơi râm mát. Trước khi trồng 20 ngày, người ta đem vùi gốc xuống đất sâu 30 - 35cm cho thân sắn tươi trở lại. Đến ngày trồng, cây sắn được cắt thành từng đoạn có chiều dài trung bình từ 18 - 22cm. Sau khi cắt, sắn được trồng ngay xuống đất để hạn chế sự mất nhựa, tạo điều kiện cho mầm cây mau phát triển. Hom được trồng nghiêng theo chiều luống tạo thành góc 20°. So với các cây lương thực khác, sắn có ưu điểm là chịu hạn rất tốt, ít bị sâu bệnh và không phải chăm bón nhiều. Thông thường, sau khi trồng hai hoặc ba tháng, người ta xới cỏ, bỏ phân, vun luống gốc cho cao hơn để kích thích quá trình tạo củ.

Điều tra thực tế trên địa bàn của một số xã thuộc các huyện Định Hóa, Phú Lương, Võ Nhai của tỉnh Thái Nguyên; Phù Yên, Mộc Châu, Yên Châu, Bắc Yên của tỉnh Sơn La; Bắc Sơn của tỉnh Lạng Sơn cho thấy, do sống xen kẽ

với các dân tộc khác nên một số hộ người Dao hiện nay đã sử dụng các giống lúa lai Trung Quốc (nhị ưu 838), năng suất lúa đạt từ 160 - 180 kg/sào Bắc Bộ. Ngoài lúa lai, người Dao còn cấy cả lúa thuần (giống Khang Dân, năng suất thấp, chỉ đạt từ 50 - 100 kg/sào), và người Dao bao giờ cũng dành một diện tích nhỏ (khoảng từ 1- 2 sào) trồng lúa nếp địa phương, để dành dùng trong những ngày lễ tết như: lễ cấp sắc, Tết Nguyên đán, rằm tháng 7, rằm tháng giêng. Năng suất lúa nếp địa phương đạt từ 100 - 130 kg/sào, nhưng chất lượng cao, cơm dẻo và thơm. Đất cấy lúa thường làm 2 vụ/năm (vụ chiêm và vụ mùa), không trồng xen thêm cây nào. Đất màu được trồng: ngô, khoai, lạc và đỗ... Những năm gần đây, dân tộc Dao đã chú ý hơn trong việc trồng cây công nghiệp dài ngày trên đất dốc. Hiện nay, các sản phẩm của cây công nghiệp không chỉ để “tự cung cấp” mà còn được đem bán ở thị trường trong tỉnh.

Ở một số nơi, người Dao đã và đang phát triển theo hướng tập trung với những cây trồng phù hợp trên từng địa bàn khác nhau, như:

- Mơ, quế ở Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ;
- Hồi ở Võ Nhai, Đại Từ;
- Đào ở Phú Lương, Định Hóa;
- Thuốc lá ở Võ Nhai, Phú Lương;
- Vải ở Võ Nhai, Phổ Yên;
- Cây dược liệu ở Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ.

**Bảng 2.** Các loại hình sử dụng đất chính của người Dao

STT	Loại đất	Loại hình sử dụng đất	Kiểu sử dụng đất
1	Đất ruộng	Đất 2 vụ lúa	Lúa xuân - Lúa mùa
		Đất 1 vụ lúa, 1 vụ màu	Ngô xuân - lúa mùa
		Đất 1 vụ lúa	Bỏ hóa - lúa mùa
		Đất chuyên màu	Lạc, đỗ tương, đỗ trắng, ngô, khoai tàu
2	Đất nương rẫy	Nương chuyên lúa	Bỏ hóa - lúa nương
		Nương chuyên màu	Ngô, lạc, đỗ, khoai tàu
3	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	Đất trồng cây ăn quả	Mận, mơ, táo, vải
		Đất vườn	Rau, củ, quả, sắn, cây thuốc, gừng, măng bát độ
4	Đất lâm nghiệp	Rừng trồng	Keo tai tượng, keo lá trầm, bạch đàn, bồ đề, trám, tre, vầu...
		Rừng tự nhiên	Nghiên, đinh, lim ...

*Nguồn: [5]*

Việc trồng và phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả bước đầu đem lại thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Theo người Dao thì cây công nghiệp thích hợp trên đất dốc gồm có các loại sau:

- **Trầu, mỡ, keo tai tượng và quế:** Theo kinh nghiệm từ xưa thì mỡ và trầu là cây lấy gỗ sinh trưởng nhanh nhất, chỉ trong 5-6 năm là có thể thu hoạch. Gỗ mỡ trồng trên 10 năm rất tốt, có thể làm gỗ trụ. Đất trồng mỡ, trầu không bị thoái hóa, sau khi thu hoạch vẫn tiếp tục trồng đợt khác. Trồng thêm cây keo tai tượng xen với cây bạch đàn, quế hoặc trên các vườn đồi sẽ đạt hiệu quả cao và chất lượng tốt.

- **Cây quế:** Ở một số địa phương như huyện Văn Yên, Văn Trấn tỉnh Yên Bái, cây quế, với giá trị kinh tế cao, đã góp phần đáng kể giúp người dân thoát khỏi

đói nghèo, rất nhiều hộ gia đình có thu nhập từ vài chục đến hàng trăm triệu đồng/năm. Đặc biệt hơn, cây quế còn là món quà quý, là của hồi môn cha mẹ dành cho con cái khi dựng vợ, gả chồng. Quế không chỉ là cây cho thu nhập cao mà còn góp phần làm tăng độ che phủ rừng.

- **Cây chè:** Người Dao từ xưa đã trồng chè, bởi chè là thứ nước uống cổ truyền. Trước đây chè mọc tự nhiên trong rừng, cây cao to, chỉ việc bẻ cành về lấy lá pha nước uống. Theo họ, trồng chè làm cho đất tơi xốp, ít bị xói mòn và cây chè có bộ rễ khỏe, tán lá rộng có thể che mưa. Nhiều năm nay, người Dao đã trồng chè theo cách của người Kinh: chè trồng thành hàng theo đường đồng mức, bảo vệ đất tốt, đạt chất lượng và hiệu quả cao. Một số hộ còn trồng thêm măng bát độ trên đồi chè của mình theo mô hình:

măng bát độ, chè, măng bát độ trồng quanh chân đồi chè.

Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp: giá cả không ổn định, sản xuất chưa đi đôi với chế biến. Và ở những bản thuộc vùng sâu vùng xa còn gặp nhiều vấn đề khó khăn về kĩ thuật, giống cây trồng...

#### **4. Một vài nhận xét về tri thức bản địa của dân tộc Dao**

Nghiên cứu dân tộc Dao trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam là một trong những vấn đề rộng về lí luận cũng như thực tiễn. Từ kết quả nghiên cứu về tri thức bản địa của dân tộc Dao trong việc lựa chọn đất đai, địa hình canh tác và hệ thống cây trồng, chúng tôi có một vài nhận xét như sau:

Cộng đồng dân tộc Dao có nhiều tri thức, kinh nghiệm trong việc lựa chọn đất đai, địa hình canh tác và hệ thống cây trồng. Những tri thức bản địa và kinh nghiệm cổ truyền này đã được hình thành, duy trì, phát triển và truyền khẩu qua nhiều thế hệ, gắn chặt với nhu cầu, phong tục, tập quán của dân tộc Dao, có sự tương tác và thích ứng linh hoạt với từng vùng, từng điều kiện sinh thái khác nhau. Đó chính là cơ sở quan trọng cho việc xóa đói giảm nghèo và sự phát triển bền vững của cộng đồng. Trong kinh tế truyền thống, tuy ở vùng cao, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt nhưng họ đã sáng tạo và xác lập mô hình canh tác nương rẫy thích hợp với từng tiểu vùng khác nhau. Đặc điểm nổi bật trong thế ứng xử văn hóa với môi trường tự nhiên của người Dao là luôn vượt khó, linh hoạt và có khả năng thích

ứng văn hóa cao. Người Dao cư trú ở bất cứ môi trường nào đều tạo ra khả năng thích nghi một cách linh hoạt, trong đó nổi bật là hệ thống cây trồng bản địa trên đất dốc, canh tác nương rẫy và ruộng bậc thang.

Trong quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa, hệ thống tri thức bản địa đang dần mai một. Vì vậy, để hạn chế sự mất mát này, cần quan tâm hơn nữa tới việc điều tra, thu thập và tư liệu hóa hệ thống tri thức quan trọng này, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, hỗ trợ phát triển đa dạng tài nguyên di truyền thực vật phục vụ cho mục tiêu nông nghiệp và lương thực. Phải kết hợp các biện pháp khác nhau để đồng bào Dao có nhận thức đúng về những phong tục tập quán tốt đẹp và loại bỏ những yếu tố mê tín dị đoan, những kiến thức không còn phù hợp, tích lũy những kinh nghiệm hay trong sản xuất. Mặc dù việc làm nương du canh đã trở thành thói quen, bản thân có nhiều kinh nghiệm trồng trọt, hoàn thiện một số công cụ sản xuất, nhưng canh tác nương rẫy vẫn phụ thuộc vào thiên nhiên. Tình trạng hạn hán, mưa lũ, sâu bệnh, thú rừng phá hoại, mất mùa, thất thu luôn luôn đe dọa đời sống của người Dao. Canh tác nương du canh có năng suất thấp, cuộc sống nay đây mai đó không ổn định nên rất cơ cực. Không những thế, việc du canh du cư còn để lại một hậu quả khó lường: Hàng năm có hàng chục vạn ha rừng bị phá và gây ảnh hưởng rất lớn tới môi trường sinh thái... Đây là một tập quán sản xuất lạc hậu cần phải được xóa bỏ trong tương lai.



**5. Kết luận**

Dân tộc Dao cư trú và canh tác trên địa hình có độ dốc lớn, bị chia cắt phức tạp. Tuy nhiên, họ có khả năng thích ứng linh hoạt với điều kiện tự nhiên nơi mình sinh sống. Tùy theo từng điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái, người Dao đã tích lũy được một kho tàng rất phong phú về tri thức dân gian trong việc lựa chọn đất đai, địa hình canh tác và các giống cây trồng phù hợp.

Những năm gần đây, với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong việc đầu tư nguồn vốn cũng như nâng cao trình độ sản xuất nên đời sống kinh tế của đồng bào Dao có nhiều thay đổi tích cực, dẫn đến một số đổi mới về giống cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ, thủy lợi, tưới tiêu và kỹ thuật canh tác. Tuy đời sống người Dao được cải thiện đáng kể nhưng những tập quán mưu sinh mang tính tộc người của họ vẫn còn tồn tại.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lê Trọng Cúc, Terry Rambo (1999), *Những khó khăn trong công cuộc phát triển miền núi Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Lê Như Hoa (chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thanh Nga (1998), “Những kinh nghiệm dân gian trong canh tác nương rẫy truyền thống của một số cư dân vùng rẻo giữa miền núi phía Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, (4), tr. 68-77.
4. Hoàng Xuân Tý, Lê Trọng Cúc (chủ biên) (1998), *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Hà Thị Thu Thủy, Dương Quỳnh Phương (2012), *Tri thức dân gian của dân tộc Dao tỉnh Thái Nguyên*, Nxb Văn hóa Thông tin.
6. Hà Thị Thu Thủy, Dương Quỳnh Phương, Vũ Như Vân (2012), *Các dân tộc Mông – Dao: Góc nhìn đa chiều từ địa lý – dân tộc học lịch sử và sinh thái nhân văn miền núi phía Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-12-2012; ngày phản biện đánh giá: 29-01-2013;  
ngày chấp nhận đăng: 11-3-2013)